

Bản án số: 67/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2025

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thuần Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Đạt;
2. Bà Tống Thị Kim Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 6 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 101/2025/TLST-HNGĐ ngày 30/7/2025 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Huyền V, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là xã N, tỉnh Khánh Hòa). (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Võ Trọng Tây S, sinh năm 1984; địa chỉ: Số E Đường G, phường T, Quận G, Tp . (nay là phường T, Tp .. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/7/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Thị Huyền V trình bày, yêu cầu Tòa án giải quyết:

Bà và ông S qua thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2015 (Giấy chứng nhận kết hôn số 69, đăng ký ngày 06/7/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận).

Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà đưa con về nhà mình (tại địa chỉ Thôn L, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận) sinh sống cho đến nay. Nay Bà xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nguyên đơn bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà và ông Võ Trọng Tây S chung sống có 01 con chung là trẻ Võ Ngọc Bảo H, giới tính N, sinh ngày 01/01/2019.

Sau khi ly hôn bà V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là trẻ Võ Ngọc Bảo H và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn bà V giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện; yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết ly hôn với ông S để Bà ổn định cuộc sống.

Bị đơn ông Võ Trọng Tây S vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập; Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật, các Quyết định xét xử, Giấy triệu tập tham dự phiên tòa cho bị đơn ông S nhưng ông S đều không có mặt theo các Giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68, xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại các Điều 195, 196; vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định, vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, vắng mặt tại các phiên tòa. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Theo tài liệu chứng cứ các bên cung cấp, Tòa án thu thập được cũng như lời trình bày của bà V; mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, cả hai sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà V yêu cầu được ly hôn với ông S là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Bà V và ông S chung sống có 01 con chung, họ và tên là trẻ Võ Ngọc Bảo H, giới tính N, sinh ngày 01/01/2019. Sau khi ly hôn bà V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Võ Ngọc Bảo H, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con; đây là sự tự nguyện nên ghi nhận giao trẻ H cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, ông S có quyền đi lại,

thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn bà V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng, bị đơn có đăng ký nơi thường trú tại Số E, Đường G, phường T, Quận G, Tp . (nay là phường T, Tp Hồ Chí Minh) và thực tế cư trú tại: 6 hẻm V, phường T, Tp .); do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Võ Trọng Tây S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa để nghe xét xử đến lần thứ 2 nhưng bị đơn ông S vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Bà Lê Thị Huyền V và ông Võ Trọng Tây S tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định (Giấy chứng nhận kết hôn số 69, đăng ký ngày 06/7/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận) đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vì vậy được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V và ông S trầm trọng, kéo dài; bà V và ông Sơn S1 ly thân từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của các đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà V về việc ly hôn với bị đơn ông S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Căn cứ Trích lục khai sinh (Bản sao) số 20/TLKS-BS ngày 25/01/2019 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Tp . (Giấy khai sinh số 17/2019 đăng ký ngày 25/01/2019 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Tp .), cùng lời trình bày của bà V thì bà và ông S chung sống có 01 con chung là trẻ Võ Ngọc Bảo H, giới tính N, sinh ngày 01/01/2019. Sau khi ly hôn, bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Võ Ngọc Bảo H, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn bà V hiện đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H; hàng ngày bà đưa đón cháu đi học, đóng các khoản học phí, chi phí sinh hoạt cho cháu; bản thân bà V có việc làm ổn định. Xuất phát từ quyền lợi mọi mặt của con chung; căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; thấy rằng, giao con chung cho bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt

và sự phát triển ổn định cho trẻ. Ghi nhận sự tự nguyện của bà V không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Ông S có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Lê Thị Huyền V xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với các phân tích, nhận định trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 225/2025/UBTVQH ngày 27/6/2025 của Quốc hội; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Huyền V.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Huyền V được ly hôn với ông Võ Trọng Tây S (Giấy chứng nhận kết hôn số 69, đăng ký ngày 06/7/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận).

1.2. Về quan hệ con chung: Bà Lê Thị Huyền V và ông Võ Trọng Tây S có 01 con chung là trẻ Võ Ngọc Bảo H, giới tính N, sinh ngày 01/01/2019.

Giao con chung Võ Ngọc Bảo H cho bà Lê Thị Huyền V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận bà V không yêu cầu ông Võ Trọng Tây S cấp dưỡng nuôi con.

Ông Võ Trọng Tây S có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

1.4. Về án phí: Bà Lê Thị Huyền V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm

ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006438 ngày 30/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, vậy bà V đã nộp đủ án phí.

2. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án đã được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Khu vực 6;
- Phòng THADS KV6;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thuần Phong